

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ
QUẬN SƠN TRÀ
Số: /TM-YTST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Trà, ngày tháng 6 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
V/v Mua hóa chất xét nghiệm cho
Trung tâm Y tế quận Sơn Trà năm 2023

Kính gửi: Quý công ty

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà có nhu cầu mua hóa chất cần để phục vụ chuyên môn sử dụng tại bệnh viện.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà kính mời các Quý công ty khảo sát và báo giá mặt hàng cụ thể như sau: Phụ lục đính kèm.

Thời gian nộp báo giá: Hạn cuối đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Nơi nhận: Khoa Dược - Trung tâm Y tế quận Sơn Trà. Địa chỉ: 1118 Ngô Quyền, An Hải Tây, Sơn Trà, Đà Nẵng.

Thông tin được đăng tải tại trang Web của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà: <https://benhviensontra.com.vn/vi/>

Hồ sơ báo giá gồm các loại giấy tờ như sau:

- Báo giá do đại diện công ty ký và đóng dấu công ty. Bảng chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc tạo giá.

Bệnh viện rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty để kịp thời mua sắm hàng hóa phục vụ công tác khám chữa bệnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD-TTB-VTYT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Đình Hoài

PHỤ LỤC: HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ CHÀO GIÁ

(Đính kèm thư mời chào giá số: /TM-YTST ngày tháng 6 năm 2023 của TTYT quận Sơn Trà)

STT	Tên hoá chất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Nhà SX/ Nước SX (tham khảo)	ĐVT	Số lượng đề xuất
I. Hóa chất sinh hóa dùng cho máy sinh hóa tự động Cobas C311					
1	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa NaOH-D	Thuốc thử chứa NaOH 1 mol/L (khoảng 4%); rửa kim hút thuốc thử và công phản ứng, dùng cho máy khí máu điện giải.	Germany	Hộp	40
2	Nước rửa buồng phản ứng ECO-D	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm Chất tẩy Chất tẩy vào vị trí B và C	Germany	Hộp	48
3	Hóa chất định lượng HDL-C	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 Đệm TAPSOB): 62.1 mmol/L, pH 7.77; polyanion: 1.25 g/L; EMSE: 1.08 mmol/L; ascorbate oxidase (dựa chuột): $\geq 50 \mu\text{kat/L}$; peroxidase (củ cải): $\geq 166.7 \mu\text{kat/L}$; chất tẩy; BSA: 2.0 g/L; chất bảo quản R2 Đệm Bis-Trisc): 20.1 mmol/L, pH 6.70; cholesterol esterase (vi sinh): $\geq 7.5 \mu\text{kat/L}$; cholesterol oxidase (E. coli tái tổ hợp): $\geq 7.17 \mu\text{kat/L}$; cholesterol oxidase (vi sinh): $\geq 76.7 \mu\text{kat/L}$; peroxidase (củ cải): $\geq 333 \mu\text{kat/L}$; 4-amino-antipyrine: 1.48 mmol/L; BSA: 3.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản b) 2-Hydroxy-N-tris(hydroxymethyl)methyl-3-aminopropanesulfonic acid c) Bis(2-hydroxyethyl)iminotris(hydroxymethyl)methane R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	Germany	Hộp	12

4	Cốc đựng mẫu	Cốc đựng mẫu phẩm, chất chuẩn, chất kiểm tra chất lượng sử dụng được trên các hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa và miễn dịch cobas .	Austria	Hộp	1
5	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa Acid wash Solution	Acid citric monohydrate: 310 mmol/L; đệm; chất tẩy.	Germany	Hộp	2
6	Bộ thuốc thử đo lường hoạt động của Alanine Transaminase (ALT) trong huyết thanh được ghi nhận trong chẩn đoán tổn thương gan	Bộ thuốc thử bao gồm: R1 Đệm TRIS: 224 mmol/L, pH 7.3 (37 °C); L-alanine: 1120 mmol/L; albumin (bò): 0.25 %; LDH (vi sinh): $\geq 45 \mu\text{kat/L}$; chất ổn định; chất bảo quản R2 2-Oxoglutarate: 94 mmol/L; NADH: $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; chất phụ gia; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C	Germany	Hộp	15
7	Bộ thuốc thử đo lường hoạt động của Aspartate Transaminase (AST) trong huyết thanh được ghi nhận trong chẩn đoán tổn thương gan	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 Đệm TRIS: 264 mmol/L, pH 7.8 (37 °C); L-aspartate: 792 mmol/L; MDH (vi sinh): $\geq 24 \mu\text{kat/L}$; LDH (vi sinh): $\geq 48 \mu\text{kat/L}$; albumin(bò): 0.25 %; chất bảo quản R2 NADH: $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản. R1 vào vị trí A và R2 vào vị trí B và C.	Germany	Hộp	15
8	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Bộ thuốc thử bao gồm: R1 Acid phosphoric: 85 mmol/L; HEDTA: 4.0 mmol/L; NaCl 50 mmol/L; chất tẩy; pH 1.9 R2 3,5 Dichlorophenyl diazonium: 1.5 mmol/L; pH 1.3 R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	Germany	Hộp	6

9	Hóa chất thử định lượng Bilirubin toàn phần	Bộ thuốc thử bao gồm: - R1 Phosphate: 50 mmol/L; chất tẩy - R2 Muối 3,5 dichlorophenyl diazonium: $\geq 1,35$ mmol/L R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	Germany	Hộp	6
10	Hóa chất định lượng Cholesterol	R1 Đệm PIPES: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.45 mmol/L; phenol: ≥ 12.6 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 3 %; cholesterol esterase (Pseudomonas spec.): ≥ 25 μ kat/L (≥ 1.5 U/mL); cholesterol oxidase (E. coli): ≥ 7.5 μ kat/L (≥ 0.45 U/mL); peroxidase (củ cải): ≥ 12.5 μ kat/L (≥ 0.75 U/mL); chất ổn định; chất bảo quản R1 vào vị trí B	Germany	Hộp	12
11	Hóa chất định lượng Calci	Bộ thuốc thử bao gồm: R1 CAPSO:a 557 mmol/L; NM-BAPTA: 2 mmol/L; pH 10.0; chất hoạt động bề mặt không phản ứng; chất bảo quản R2 EDTA: 7.5 mmol/L; pH 7.3; chất hoạt động bề mặt không phản ứng, chất bảo quản a) 3-[cyclohexylamino]-2-hydroxy-1-propanesulfonic acid R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	Germany	Hộp	8
12	Hóa chất định lượng Creatinine	Bộ thuốc thử bao gồm: R1 Kali hydroxide: 900 mmol/L; phosphate: 135 mmol/L; pH ≥ 13.5 SR Acid picric: 38 mmol/L; pH 6.5; đệm không phản ứng	Germany	Hộp	6
13	Hóa chất định lượng GGT	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 TRIS: 492 mmol/L, pH 8.25; glycylglycine: 492 mmol/L; chất bảo quản; chất phụ gia R2 L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 22.5 mmol/L; acetate: 10 mmol/L, pH 4.5; chất ổn định; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	Germany	Hộp	12

14	Hóa chất định lượng Glucose	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 Đệm MES: 5.0 mmol/L, pH 6.0; Mg ²⁺ : 24 mmol/L; ATP: ≥ 4.5 mmol/L; NADP: ≥ 7.0 mmol/L; chất bảo quản R2 Đệm HEPES: 200 mmol/L, pH 8.0; Mg ²⁺ : 4 mmol/L; HK (nấm men): ≥ 300 μkat/L; G-6-PDH (E. coli): ≥ 300 μkat/L; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	Germany	Hộp	36
15	Chất thử sinh hóa NaCl 9% Dil	Thuốc thử chứa NaCl 9% dùng pha loãng bệnh phẩm trên các máy phân tích khí máu điện giải.	Germany	Hộp	2
16	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa NaOH/D	Dung dịch natri hydroxide 1 mol/L, 4%; rửa có tính kiềm cho công phần ứng, dùng cho máy khí máu điện giải.	China	Hộp	20
17	Dung dịch kiểm chứng PreciControl ClinChem Multi 1	Thuốc thử – dung dịch tham gia xét nghiệm Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định	Germany	Hộp	3
18	Dung dịch kiểm chứng PreciControl ClinChem Multi 2	Thuốc thử – dung dịch tham gia xét nghiệm Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định	Germany	Hộp	3
19	Bộ tế bào dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Phù hợp với máy xét nghiệm sinh hoá tự động	Japan	Hộp	2

20	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và công phản ứng trên hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Dung dịch chứa HCl 200 mmol/L, rửa cho máy sinh hóa, miễn dịch loại cobas. Phù hợp với máy sinh hoá tự động	Germany	Hộp	4
21	Hóa chất xét nghiệm Protein toàn phần	Bộ thuốc thử bao gồm: - R1 Natri hydroxide: 400 mmol/L; kali natri tartrate: 89 mmol/L - R2 Natri hydroxide: 400 mmol/L; kali natri tartrate: 89 mmol/L; kali iodide: 61 mmol/L; đồng sulfate: 24,3 mmol/L. R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	Germany	Hộp	8
22	Hóa chất định lượng Triglycerides	Bộ thuốc thử bao gồm: R1 Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 40 mmol/L; natricholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (chủng Pseudomonas): ≥ 83 μ kat/L; glycerol kinase (Bacillusstearothermophilus): ≥ 3 μ kat/L; glycerol phosphate oxidase (E. coli): ≥ 41 μ kat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 1.6 μ kat/L; chất bảo quản, chất ổn định. R1 vào vị trí B.	Germany	Hộp	20
23	Hóa chất định lượng Acid Uric	Bộ thuốc thử bao gồm: R1 Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 4.8 %; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí dài) ≥ 83.5 μ kat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản R3 Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; kali hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone ≥ 3 mmol/L; uricase (EC 1.7.3.3; Arthrobacter protophormiae) ≥ 83.4 μ kat/L (25 °C); peroxidase (POD) (EC 1.11.1.7; củ cải) ≥ 50 μ kat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C.	Germany	Hộp	8

24	Hóa chất định lượng Urea	Bộ thuốc thử bao gồm: R1 NaCl 9 % R2 Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2-oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): $\geq 300 \mu\text{kat/L}$; GLDH (gan bò): $\geq 80 \mu\text{kat/L}$; chất bảo quản; chất ổn định không phản ứng R1 vào vị trí C và R2 vào vị trí B	Germany	Hộp	8
25	Chất chuẩn CFAS	Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định.	Germany	Hộp	2
26	Hóa chất chuẩn xét nghiệm nhóm mỡ	Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học. Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định.	Germany	Hộp	1
27	Bóng đèn Halogen	Bóng đèn ha-lo-gen dùng cho máy sinh hóa	Japan	Cái	6
28	Thuốc thử xét nghiệm Ethanol	Khoảng đo: 2.20-108 mmol/L (0.101-498 mg/dL)	Germany	Hộp	15
29	Dung dịch định chuẩn - NH ₃ /ETH/CO ₂ Calibrator	Thành phần phản ứng: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản	Germany	Hộp	3

30	Dung dịch định chuẩn - NH3/ETH/CO2 Control N	Thành phần phản ứng: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản.	Germany	Hộp	3
31	Dung dịch định chuẩn - NH3/ETH/CO2 Control A	Thành phần phản ứng: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản.	Germany	Hộp	3
II. Hóa chất dùng cho máy đo HbA1c - Sắc kí lỏng cao áp.					
32	Dung dịch được sử dụng cho trong chẩn đoán in vitro để đo lường Hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu.	- Dung dịch được sử dụng dựa trên Phương pháp sắc kí lỏng cao áp. - Thành phần: + Mỗi loại chứa ít hơn 0.05% sodium azide như là chất bảo quản + chất tẩy rửa và ít hơn 0.1% sodium azide như là chất bảo quản	Japan	Bộ	8
33	Hộp sắc ký để chạy Test máy sắc kí lỏng, chạy xét nghiệm HbA1c	- Sử dụng dựa trên Phương pháp sắc kí lỏng cao áp. - Thành phần: hạt nhựa Resin trao đổi cation. - Hóa chất Variant ổn định cho đến ngày hết hạn khi được bảo quản ở 4-15°C ở nơi tối.	Japan	Hộp	2